

Số: 313 /TB-CSDT

Bình Dương, ngày 11 tháng 3 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc khoán lao động thu hoạch mủ cao su năm 2024

Căn cứ Tờ trình số 259/TTr-KT ngày 27/02/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng về việc xin chủ trương thực hiện Phương án “Khoán lao động thu hoạch mủ cao su năm 2024”.

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐTVCSDT ngày 29/02/2024 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng tại kỳ họp lần II năm 2024 về công tác sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng thông báo về việc khoán lao động thu hoạch mủ cao su năm 2024 như sau:

#### 1. Quy mô, địa điểm, sản lượng và thời gian thực hiện:

- Thời gian: Từ tháng 03/2024 đến ngày 28/02/2025. Thời gian bắt đầu cạo và trút mủ, địa điểm giao mủ theo quy định của Nông trường.

- Địa điểm: Tại các Nông trường: An Lập, Bến Súc, Long Tân và Thanh An.

- Tổng diện tích: 1.208,88ha, chi tiết như sau:

| Mã lô                 | Tên lô | Năm trồng | Giống      | Diện tích (ha) |
|-----------------------|--------|-----------|------------|----------------|
| AL-PT158              | 84     | 2003      | PB+R 4+R 2 | 24,43          |
| AL-BS101              | 79     | 2003      | RRIV 4     | 24,50          |
| AL-PT156              | 76     | 2003      | PB+R 4+R 2 | 24,39          |
| AL-PT164              | 85     | 2004      | RRIV 2     | 24,65          |
| AL-PT163              | 77     | 2004      | PB 260     | 24,53          |
| AL-BS104              | 53B    | 2004      | RRIV 3     | 23,82          |
| AL-BS105              | 54B    | 2004      | RRIV 4     | 23,90          |
| AL-PT159              | 59     | 2004      | PB 260     | 24,23          |
| AL-PT160              | 60     | 2004      | RRIV 2     | 12,28          |
| AL-PT161              | 68     | 2004      | PB 260     | 24,62          |
| AL-PT162              | 69     | 2004      | RRIV 2     | 24,80          |
| AL-PT166              | 3A     | 2005      | RRIV 3     | 24,55          |
| AL-PT167              | 4A     | 2005      | RRIV 2     | 24,40          |
| AL-PT221              | 78     | 2013      | PB 260     | 24,03          |
| <b>Tổng NT An Lập</b> |        |           |            | <b>329,13</b>  |
| BS-TA205              | 17A    | 2014      | PB 260     | 24,59          |
| BS-TA204              | 16A    | 2014      | RRIV 124   | 33,18          |
| BS-TA206              | 18A    | 2014      | RRIV 124   | 24,52          |
| BS-TA201              | 15A    | 2013      | RRIV 201   | 33,25          |
| BS140                 | 21     | 2012      | PB 255     | 21,78          |
| BS137                 | 11     | 2012      | RRIV5      | 25,14          |
| BS138                 | 18     | 2012      | PB 260     | 25,05          |

| Mã lô                   | Tên lô | Năm trồng | Giống    | Diện tích (ha)  |
|-------------------------|--------|-----------|----------|-----------------|
| BS139                   | 19     | 2012      | RRIV 106 | 24,63           |
| BS133                   | 12     | 2011      | PB 260   | 25,91           |
| BS134                   | 17     | 2011      | RRIV106  | 25,98           |
| BS135                   | 22     | 2011      | PB255    | 22,51           |
| BS120                   | 10     | 2008      | PB260    | 25,13           |
| BS109                   | 23     | 2006      | RRIV3    | 21,84           |
| BS103                   | 16     | 2004      | RRIV2    | 24,73           |
| BS102                   | 13     | 2004      | RRIV2    | 24,65           |
| <b>Tổng NT Bến Súc</b>  |        |           |          | <b>382,89</b>   |
| LT138                   | 16     | 2013      | RRIV124  | 24,58           |
| LT139                   | 17     | 2013      | RRIV1    | 22,94           |
| LT140                   | 25     | 2013      | RRIV124  | 24,80           |
| LT132                   | 28     | 2012      | RRIV 124 | 20,02           |
| LT133                   | 29     | 2012      | RRIV 5   | 24,37           |
| LT121                   | 15     | 2010      | RRIV 3   | 16,84           |
| LT122                   | 18     | 2010      | RRIV 124 | 21,57           |
| LT117                   | 11     | 2009      | PB255    | 24,29           |
| LT124                   | 27     | 2010      | PB255    | 10,04           |
| LT123                   | 26     | 2010      | PB260    | 24,17           |
| <b>Tổng NT Long Tân</b> |        |           |          | <b>213,62</b>   |
| TA140                   | 63     | 2003      | RRIV 2   | 23,83           |
| TA141                   | 64     | 2003      | RRIV 3   | 24,43           |
| TA142                   | 65     | 2003      | RRIV 3   | 23,46           |
| TA143                   | 66     | 2003      | PB 260   | 24,10           |
| TA155                   | 92     | 2005      | PB 255   | 7,90            |
| TA-DT210                | 32     | 2010      | PB 260   | 23,53           |
| TA203                   | 96VN   | 2012      | POLY     | 8,15            |
| TA218                   | 96     | 2015      | POLY     | 1,24            |
| TA219                   | 97     | 2015      | POLY     | 0,60            |
| TA220                   | 97A    | 2015      | POLY     | 0,45            |
| TA230                   | 96VN   | 2016      | RRIV 124 | 0,26            |
| TA214                   | 86     | 2015      | PB 255   | 23,43           |
| TA211                   | 82     | 2015      | RRIV 115 | 23,94           |
| TA215                   | 87     | 2015      | PB 255   | 24,00           |
| TA213                   | 85     | 2015      | RRIV 124 | 24,02           |
| TA210                   | 78     | 2015      | RRIV 115 | 24,55           |
| TA212                   | 83     | 2015      | RRIV 124 | 25,35           |
| <b>Tổng NT Thanh An</b> |        |           |          | <b>283,24</b>   |
| <b>Tổng cộng</b>        |        |           |          | <b>1.208,88</b> |

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng (Bên A) giao cho Bên nhận khoán (Bên B) bằng hợp đồng kinh tế về việc: Quản lý, thu hoạch mủ cao su và giao toàn bộ sản lượng mủ cao su thu hoạch được cho Bên A, bao gồm mủ nước, mủ đông, mủ chén và mủ dây. Bên A giao cho Bên B thực hiện sản lượng mủ quy khô và kế hoạch sản lượng mủ tính theo tháng, cụ thể như sau:

\*Gói 1: Nông trường An Lập - Diện tích: 329,13ha - Sản lượng giao khoán: 375.000kg, cụ thể như sau:

ĐVT: Kg

| Tháng | 4/2024 | 5/2024 | 6/2024 | 7/2024 | 8/2024 | 9/2024 | 10/2024 | 11/2024 | 12/2024 | 01/2025 | 02/2025 | Tổng    |
|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| KHSL  | 5.625  | 22.500 | 33.750 | 43.125 | 43.125 | 37.500 | 46.875  | 48.750  | 48.750  | 37.500  | 7.500   | 375.000 |

\*Gói 2: Nông trường Bến Súc - Diện tích: 382,89ha - Sản lượng giao khoán: 551.000kg, cụ thể như sau:

ĐVT: Kg

| Tháng | 4/2024 | 5/2024 | 6/2024 | 7/2024 | 8/2024 | 9/2024 | 10/2024 | 11/2024 | 12/2024 | 01/2025 | 02/2025 | Tổng    |
|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| KHSL  | 8.265  | 33.060 | 49.590 | 63.365 | 63.365 | 55.100 | 68.875  | 71.630  | 71.630  | 55.100  | 11.020  | 551.000 |

\*Gói 3: Nông trường Long Tân - Diện tích: 213,62ha - Sản lượng giao khoán: 247.500kg, cụ thể như sau:

ĐVT: Kg

| Tháng | 4/2024 | 5/2024 | 6/2024 | 7/2024 | 8/2024 | 9/2024 | 10/2024 | 11/2024 | 12/2024 | 01/2025 | 02/2025 | Tổng    |
|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| KHSL  | 3.713  | 14.850 | 22.275 | 28.463 | 28.463 | 24.750 | 30.936  | 32.175  | 32.175  | 24.750  | 4.950   | 247.500 |

\*Gói 4: Nông trường Thanh An - Diện tích: 283,24ha - Sản lượng giao khoán: 272.500kg, cụ thể như sau:

ĐVT: Kg

| Tháng | 4/2024 | 5/2024 | 6/2024 | 7/2024 | 8/2024 | 9/2024 | 10/2024 | 11/2024 | 12/2024 | 01/2025 | 02/2025 | Tổng    |
|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| KHSL  | 4.088  | 16.350 | 24.525 | 31.337 | 31.338 | 27.250 | 34.062  | 35.425  | 35.425  | 27.250  | 5.450   | 272.500 |

## 2. Nhịp độ cạo: d3 hoặc d4

### 3. Địa điểm giao nhận và chất lượng mù:

3.1 Địa điểm giao nhận mù: Tại trạm mù Nông trường (khi giao nhận Bên B phải phối hợp với Nông trường của Bên A để tiến hành giao nhận). Tại điểm giao nhận, hai Bên tiến hành cân đo để ghi nhận khối lượng mù giao nhận, thực hiện theo các mẫu biểu thống kê của Công ty. Bên A sẽ thông báo hàm lượng quy khô phần sản lượng Bên B thực hiện khi có kết quả hàm lượng mù quy khô của Bên A.

3.2 Hàm lượng mù (DRC) do Bên A xác định là kết quả để tính khối lượng mù quy khô giao nhận giữa hai Bên. Chất lượng sản phẩm mù giao phải đảm bảo theo quy định của Bên A và sẽ được quy định chi tiết trong hợp đồng ký kết giữa hai Bên.

### 4. Đơn giá tiền giao khoán:

#### - Đơn giá trước thuế:

- Đơn giá mù nước = 13.707 đồng/kg mù quy khô.
- Đơn giá mù đông, tạp = 11.651 đồng/kg mù quy khô.
- Đơn giá mù dây = 12.336 đồng/kg mù quy khô.

#### - Đơn giá sau thuế:

- Đơn giá mù nước = 15.078 đồng/kg mù quy khô.
- Đơn giá mù đông, tạp = 12.816 đồng/kg mù quy khô.
- Đơn giá mù dây = 13.570 đồng/kg mù quy khô.

#### \*Đơn giá trên bao gồm:

▪ Chi phí nhân công: gồm chi phí Bên B thực hiện công việc thu hoạch mù cao su (theo đúng Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020 của Tập đoàn), được sự hướng dẫn và giám sát của Bên A, bao gồm: thiết kế, gắn máng che mưa, bắn dây dẫn mù, trang bị vật tư, xả miệng cạo, cạo mù, trút mù, thu mù tạp, đông, dây, bôi thuốc kích thích mù.

▪ *Không tính chi phí vật tư:* Bên A cung cấp cho Bên B các loại vật tư phục vụ cho công tác thu hoạch mù theo quy định như: kiềng, chén, máng hứng mù, dây nilon, máng che mưa theo tỷ lệ đang áp dụng tại Công ty như sau:

Đối với kiềng: Tỷ lệ 102%; Tỷ lệ Bên B bàn giao lại: 95% số lượng.

Đối với chén: Tỷ lệ 109%; Tỷ lệ Bên B bàn giao lại: 85% số lượng.

Đối với máng hứng mù: Tỷ lệ 109%; Tỷ lệ Bên B bàn giao lại: 85% số lượng.

Mỗi công nhân của bên B được Bên A trang bị 01 thùng sắt 25 lít và 01 thùng nhựa 20 lít để chứa mù và trút mù; Tỷ lệ Bên B bàn giao lại: 100% số lượng.

Bên B có trách nhiệm hoàn trả đủ số lượng lại cho Bên A theo tỷ lệ quy định sau khi kết thúc hợp đồng, trường hợp hư hỏng, mất mát Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A 100% theo giá trị sổ sách tại thời điểm mua vào trang bị cho Bên B.

▪ *Chi phí khác:* gồm chi phí quản lý trên vườn cây, các khoản trích nộp BHXH, BHYT, BHTN thuộc trách nhiệm phải nộp Nhà nước của Bên B; chi phí cho công tác an toàn vệ sinh lao động (trang bị bảo hộ lao động cá nhân, chi phí khám sức khỏe định kỳ, tập huấn ATVSLĐ, bồi dưỡng độc hại); tiền ăn giữa ca; tiền lương lễ, phép năm, tiền thưởng 2/9, Tết Dương lịch.

#### **5. Phương thức thanh toán:**

- Đến ngày cuối tháng của mỗi tháng, Bên B đối chiếu số liệu sản lượng giao/nhận cùng Bên A và tập hợp đầy đủ chứng từ gửi Bên A để thực hiện thanh toán.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

#### **6. Giá trị thanh toán:**

- Giá trị thanh toán được xác định căn cứ vào sản lượng Bên B giao nộp hàng tháng và chính sách thưởng/phạt.

#### **- Giá trị thanh toán gồm 2 phần:**

##### **a) Giá trị thanh toán theo sản lượng mù thực hiện:**

*Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng sẽ thanh toán cho Bên B với giá trị thanh toán theo sản lượng mù thực hiện hàng tháng = Sản lượng mù thực hiện/tháng x Đơn giá mù quy khô giao khoán x Hệ số hạng kỹ thuật (Hệ số hạng kỹ thuật hàng tháng được quy định chi tiết trong hợp đồng, cụ thể như sau: Hạng A=1,10; Hạng B=1,05; Hạng C=1,00; Hạng D=0,95; Hạng E=0,90).*

*Trong đó bao gồm: Thuế thu nhập cá nhân:*

+ Trường hợp Bên B có đăng ký kinh doanh và sử dụng hóa đơn của Cơ quan thuế để thực hiện thanh toán, Công ty sẽ thực hiện thanh toán theo giá trị hóa đơn và giá trị thanh toán theo sản lượng mù thực hiện đã được phê duyệt.

+ Trường hợp Bên B không cung cấp hóa đơn của Cơ quan thuế cho Công ty để thực hiện thanh toán, Công ty trích 10% trên tổng giá trị thanh toán theo sản lượng mù thực hiện của Bên B để thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Phần còn lại sẽ được thanh toán cho bên B.

##### **b) Thương, phạt:**

Ngoài tiền mù thanh toán cho Bên B theo sản lượng mù thực hiện nhân với đơn giá từng chủng loại mù và hệ số hạng kỹ thuật thì tiền thưởng và phạt được tính so với sản lượng kế hoạch hàng tháng được giao, cụ thể như sau:

+ Tiền thưởng = Tổng sản lượng vượt x 50% x Đơn giá mù quy khô giao khoán đối với mù nước.

Trong đó: Công ty trích 10% trên tiền thưởng của Bên B để thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Phần còn lại sẽ được thanh toán cho bên B.

+ Tiền phạt = Tổng sản lượng hạt x 50% x Đơn giá mủ quy khô giao khoán đối với mủ nước.

**7. Thời gian và địa điểm xem vườn cây khoán cạo:** Từ ngày ra thông báo đến **08 giờ 00 phút ngày 18/3/2024**, tại các Nông trường: An Lập, Bến Súc, Long Tân và Thanh An thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng.

**8. Điều kiện đăng ký tham gia khoán cạo:**

Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có đầy đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật và không vi phạm pháp luật đều được tham gia khoán lao động thu hoạch mủ cao su. Đơn vị đăng ký tham gia sẽ làm đơn gửi Bên A xem xét, phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định của Bên A.

**9. Thời gian, địa điểm nộp đơn:** Từ khi ra thông báo đến **08 giờ 00 phút ngày 18/3/2024** (Trong giờ hành chính), tại Phòng Kế hoạch Vật tư thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng. Bên A xem xét, phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định của Bên A.

**\*Ghi chú:** Trường hợp có từ 2 đơn vị trở lên cùng đăng ký tham gia thì Bên A ưu tiên đối với đơn vị đăng ký tham gia nhận diện tích khoán lao động thu hoạch mủ cao su nhiều nhất; trường hợp các đơn vị đăng ký tham gia nhận diện tích khoán lao động thu hoạch mủ cao su nhiều nhất bằng nhau thì Bên A sẽ xét về năng lực như: Hợp đồng tương tự (lĩnh vực khai thác mủ cao su như: nhượng quyền khai thác mủ cao su, khoán cạo mủ cao su, khoán lao động thu hoạch mủ cao su,...); số lượng công nhân, trình độ tay nghề công nhân về lĩnh vực khai thác mủ cao su,...

**10. Nghĩa vụ của đơn vị được giao khoán (Bên B):**

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 5% tổng giá trị tiền công khoán cạo của hợp đồng, đây là số tiền bảo đảm cho các tài sản của Bên A và việc chấp hành thực hiện hợp đồng của Bên B, cụ thể như sau:

+ Gói 1: Nông trường An Lập - Diện tích: 329,13ha - Sản lượng giao khoán: 375.000kg - Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (làm tròn số):  $5\% \times 375.000\text{kg} \times 13.707 \text{ đồng/kg} = 257.000.000 \text{ đồng}$  (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

+ Gói 2: Nông trường Bến Súc - Diện tích: 382,89ha - Sản lượng giao khoán: 551.000kg Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (làm tròn số):  $5\% \times 551.000\text{kg} \times 13.707 \text{ đồng/kg} = 378.000.000 \text{ đồng}$  (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng).

+ Gói 3: Nông trường Long Tân - Diện tích: 213,62ha - Sản lượng giao khoán: 247.500kg Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (làm tròn số):  $5\% \times 247.500\text{kg} \times 13.707 \text{ đồng/kg} = 170.000.000 \text{ đồng}$  (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng).

+ Gói 4: Nông trường Thanh An - Diện tích: 283,24ha - Sản lượng giao khoán: 272.500kg Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (làm tròn số):  $5\% \times 272.500\text{kg} \times 13.707 \text{ đồng/kg} = 187.000.000 \text{ đồng}$  (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Bảo đảm thực hiện hợp đồng được Bên B chuyển khoản vào tài khoản của Bên A (Số tài khoản 5504201000636 tại chi nhánh Ngân Hàng NN & PTNT - huyện Dầu Tiếng - tỉnh Bình Dương) chậm nhất trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B có hành vi phá hoại, gây hỏa hoạn trên vườn cây, hoặc trộm cắp các tài sản, vật tư của Bên A hoặc có hành vi xâm phạm các vườn cây của Bên A thì tùy vào mức độ vi phạm mà ngoài việc phạt vi phạm hợp đồng bằng tiền thì Bên A sẽ chuyển vụ việc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý Bên B theo quy định của pháp luật.

- Không tự ý xâm phạm đến tài sản khác của Bên A trái với nội dung văn bản hợp đồng để mang lại lợi ích cho cá nhân, đơn vị.

- Bên B phải tự chịu trách nhiệm mua bảo hiểm về con người và các chế độ theo đúng quy định của pháp luật. Bên B phải đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, thực hiện đúng quy định an toàn lao động và bảo hộ lao động theo quy định hiện hành trong suốt quá trình khai thác mỏ. Mọi sự cố xảy ra liên quan đến an toàn cho người lao động thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Trong suốt quá trình nhận khoán lao động thu hoạch mỏ, chịu trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và tài nguyên môi trường không gây thiệt hại đến tài nguyên trong lòng đất và trên đất, thu gom rác thải sinh hoạt, bao bì thuốc kích thích theo quy định của Công ty.

- Thực hiện tất cả các công việc phục vụ cho sản xuất như: thiết kế cây cao, trang bị vật tư cây cao, gắn máng che mưa, gắn dây dẫn mỏ, xả miệng cao, bôi thuốc kích thích và các công việc khác theo tình hình thực tế.

- Bảo đảm Quy trình kỹ thuật trên vườn cây theo quy chế kiểm tra QTKT cây cao su và Quy định chung công tác quản lý về thu hoạch mỏ hiện hành của công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng (theo quyết định 127/QĐ-CSĐT ngày 28/3/2022)

- Phải quản lý, bảo vệ được các loại mỏ cao su và giao cho Nông trường.

- Tự trang bị phương tiện thu hoạch mỏ và chở mỏ giao tại trạm giao mỏ.

- Trường hợp Bên B có hành vi phá hoại, chặt phá cây cao su, gây hỏa hoạn trên vườn cây, trộm cắp các tài sản, vật tư của Bên A, tự ý bôi thuốc kích thích mỏ sai quy định (liều lượng, nồng độ, sử dụng loại thuốc ngoài khuyến cáo), tăng nhịp độ cao hoặc có hành vi xâm phạm các vườn cây xung quanh thì tùy vào tính chất mức độ vi phạm và thiệt hại xảy ra mà Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý Bên B theo quy định pháp luật.

- Nếu Bên A phát hiện Bên B để cho công nhân của mình có hành vi trộm cắp mỏ thì sẽ bị xử lý phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là **2.000.000 đồng/lần vi phạm**, số tiền này được khấu trừ vào giá trị thanh toán trong tháng và không cho người có hành vi trộm cắp mỏ tiếp tục thực hiện công việc cao mỏ trên vườn cây nhận khoán đồng thời chuyển vụ việc cho cơ quan công an xử lý theo quy định.

- Không tự ý xâm phạm đến tài sản khác của Bên A trái với nội dung văn bản hợp đồng để mang lại lợi ích cho cá nhân, đơn vị.

- Tất cả các công nhân thực hiện khai thác mỏ của Bên B phải có đầy đủ hợp đồng lao động, phải được mua bảo hiểm về con người và các chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng theo tiến độ và yêu cầu của Bên A, đảm bảo thời gian thực hiện được ghi trong hợp đồng.

- Bên B phải phối hợp với Nông trường để xử lý những tình huống phát sinh trong quá trình khai thác.

- Những cá nhân, đơn vị hợp đồng nếu có hành vi vi phạm vào những nội dung trên, tùy mức độ vi phạm, nặng nhẹ có thể truy cứu trước pháp luật.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **11. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:**

11.1 Chấm dứt hợp đồng do Bên B vi phạm hợp đồng liên quan đến các nội dung: không giao hết sản lượng mỏ khai thác, các vi phạm mang tính chất nghiêm trọng như trộm cắp, phá hoại tài sản,... thì Bên B phải đền bù thiệt hại thực hiện hợp đồng với giá trị bằng phần sản lượng còn lại của hợp đồng x đơn giá mỏ nước tính trong hợp đồng Bên

A ký với Bên B, ngoài ra Bên B phải đền bù thiệt hại tài sản đã trộm cắp, phá hoại... tiền đền bù các thiệt hại này sẽ được cản trừ từ tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng và tiền Bên A sẽ thanh toán giá trị theo sản lượng mù thực hiện cho Bên B, nếu không đủ Bên B phải nộp thêm cho Bên A.

11.2 Trường hợp Bên B tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên B phải đền bù thiệt hại thực hiện hợp đồng với giá trị bằng phần sản lượng còn lại của hợp đồng x đơn giá mù nước tính trong hợp đồng Bên A ký với Bên B. Tiền đền bù thiệt hại này sẽ được cản trừ từ tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng và tiền Bên A sẽ thanh toán giá trị theo sản lượng mù thực hiện cho Bên B, nếu không đủ Bên B phải nộp thêm cho Bên A.

11.3 Trường hợp Bên A tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên A sẽ hoàn trả tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng cho Bên B (sau khi đã trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng nếu có) và hỗ trợ Bên B tìm kiếm việc mới cho công nhân với giá trị bằng phần sản lượng của tháng liền kề x đơn giá mù nước tính trong hợp đồng Bên A ký với Bên B.

11.4 Chấm dứt hợp đồng do nguyên nhân bất khả kháng (Bên A sẽ hoàn trả tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng cho Bên B, sau khi đã trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng nếu có).

Hợp đồng sẽ được hai Bên thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn do các nguyên nhân bất khả kháng sau:

- a. Bên B mất năng lực hành vi dân sự, qua đời/chết, bị tai nạn mất hoặc suy giảm khả năng lao động theo quy định của pháp luật, mất tích theo tuyên bố của Tòa án.
- b. Do thiên tai gây ngã đổ vườn cây dẫn đến không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.
- c. Vườn cây phải bàn giao cho Nhà nước hoặc bàn giao để thực hiện các dự án.

Trong các trường hợp này Bên A sẽ thanh toán giá trị thực hiện cho Bên B như sau: Giá trị theo sản lượng đã thực hiện được thanh toán theo quy định.

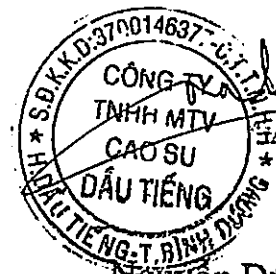
11.5 Chấm dứt hợp đồng do thỏa thuận của hai Bên:

Hợp đồng thu hoạch mù cao su được chấm dứt khi Bên A và Bên B thỏa thuận cùng nhau chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A sẽ hoàn trả tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng cho Bên B, sau khi đã trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng nếu có và thanh toán giá trị thực hiện cho Bên B như sau: Giá trị theo sản lượng đã thực hiện được thanh toán theo quy định.

*\*Ghi chú: Thông báo này được đăng trên Website Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, dán công khai tại Phòng Kế hoạch Vật tư và các Nông trường: An Lập, Bến Súc, Long Tân và Thanh An thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng.*

**Nơi nhận:**

- Tổng Giám đốc;
- Bộ phận CNTT (để đăng tin trên Website công ty);
- P. KT;
- P. TCKT;
- P. TCLĐTL;
- P. QLCL;
- P. TTBV;
- XNCB;
- NT An Lập;
- NT Bến Súc;
- NT Long Tân;
- NT Thanh An;
- Lưu: VT, KHVT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Hiền